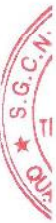




**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên

(từ ngày 26 tháng 5 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Quan hệ Đối ngoại
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
	Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận
	Bà Nguyễn Thị Châu	Giám đốc Quản trị Rủi Ro
	Ông Đặng Thái Bình	Giám đốc Pháp chế

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 23.973.603.513 VND (2013: 62.693.691.698 VND). Trong năm, Tập đoàn đã hoàn nhập cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông là 26.125.039.000 VND (2013: công bố cổ tức 52.250.000.000 VND).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



La Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 14-01-418




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		602.147.302.960	604.816.194.145
Tiền	110	5	49.279.280.881	71.595.361.478
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130	7	168.430.815.000	167.000.261.417
Phải thu khách hàng	131		150.689.094.405	142.685.228.651
Trả trước cho người bán	132		9.438.826.565	13.922.646.883
Các khoản phải thu khác	135		9.516.741.021	10.854.967.592
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.213.846.991)	(462.581.709)
Hàng tồn kho	140	8	256.630.078.008	243.953.257.342
Tài sản ngắn hạn khác	150		77.807.129.071	72.267.313.908
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.993.021.952	11.694.525.252
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42.009.178.835	41.275.980.183
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	9	20.203.148.191	18.734.004.384
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.601.780.093	562.804.089
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260 + 269)	200		1.272.000.325.302	1.349.853.969.947
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.341.143.141	5.207.286.106
Tài sản cố định	220		1.215.624.227.629	1.283.871.736.322
Tài sản cố định hữu hình	221	10	719.221.946.335	689.593.192.767
Nguyên giá	222		1.238.993.181.336	1.110.694.070.577
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(519.771.235.001)	(421.100.877.810)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	204.769.918.076	244.945.995.775
Nguyên giá	225		261.662.643.040	293.892.498.519
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(56.892.724.964)	(48.946.502.744)
Tài sản cố định vô hình	227	12	283.172.909.672	285.924.801.148
Nguyên giá	228		299.362.906.127	299.362.906.127
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.189.996.455)	(13.438.104.979)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	8.459.453.546	63.407.746.632
Tài sản dài hạn khác	260		17.869.539.022	18.016.481.018
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	9.509.569.738	11.209.213.703
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	386.907.061	723.648.295
Tài sản dài hạn khác	268		7.973.062.223	6.083.619.020
Lợi thế thương mại	269	16	36.165.415.510	42.758.466.501
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.874.147.628.262	1.954.670.164.092

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.265.431.160.315	1.308.314.391.108
Nợ ngắn hạn	310		1.091.117.692.306	1.117.164.807.262
Vay ngắn hạn	311	17	895.663.106.851	921.225.152.911
Phải trả người bán	312		133.954.479.832	102.149.608.164
Người mua trả tiền trước	313		18.939.458.086	28.807.090.918
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	2.791.929.708	6.013.824.300
Phải trả người lao động	315		2.431.281.033	3.179.208.647
Chi phí phải trả	316	19	22.983.163.926	18.485.826.738
Các khoản phải trả khác	319	20	11.359.171.777	33.970.596.659
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2.995.101.093	3.333.498.925
Vay và nợ dài hạn	330		174.313.468.009	191.149.583.846
Vay và nợ dài hạn	334	21	140.525.803.800	171.222.236.024
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	33.787.664.209	19.927.347.822
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		596.331.868.377	643.945.994.706
Vốn chủ sở hữu	410	22	596.331.868.377	643.945.994.706
Vốn cổ phần	411	23	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	23	(88.088.780.000)	(780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	11.293.166.612	10.973.114.162
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	24	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		97.820.924.123	57.667.102.902
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	25	12.384.599.570	2.409.778.278
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.874.147.628.262	1.954.670.164.092

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ		
+ USD	363.547	154.209
+ EUR	1.003	788

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	27	1.918.651.349.327	1.782.426.102.513
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	6.654.884.393	4.075.845.512
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	1.911.996.464.934	1.778.350.257.001
Giá vốn hàng bán	11		1.424.711.471.034	1.226.534.684.380
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		487.284.993.900	551.815.572.621
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9.041.382.014	4.252.875.560
Chi phí tài chính	22	29	84.907.062.258	104.205.280.985
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		80.095.083.919	98.699.165.983
Chi phí bán hàng	24		263.398.410.983	274.517.352.359
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		93.239.969.291	83.254.319.373
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		54.780.933.382	94.091.495.464
Thu nhập khác	31	30	18.837.874.685	93.087.239.931
Chi phí khác	32	31	21.033.201.358	95.308.557.029
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.195.326.673)	(2.221.317.098)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.585.606.709	91.870.178.366
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	14.414.945.575	9.780.363.564
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	14.197.057.621	19.396.123.104
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.973.603.513	62.693.691.698

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.973.603.513	62.693.691.698
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	25	2.551.344.820	2.511.258.278
Cổ đông của Công ty	62		21.422.258.693	60.182.433.420
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	411	1.152

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		52.585.606.709	91.870.178.366
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		131.716.978.751	124.942.593.712
Các khoản dự phòng	03		751.265.282	(28.677.500.799)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.061.410.099	(147.779.213)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		411.720.431	668.897.565
Xóa sổ tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	05		144.096.679	101.036.000
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(7.309.047.585)	(1.505.245.907)
Chi phí lãi vay	06		80.095.083.919	98.699.165.983
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		259.457.114.285	285.951.345.707
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		1.545.425.688	(62.919.955.187)
Biến động hàng tồn kho	10		(12.676.820.666)	(914.757.911)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		25.324.612.088	57.623.536.228
Biến động chi phí trả trước	12		401.147.265	3.415.325.922
			274.051.478.660	283.155.494.759
Tiền lãi vay đã trả	13		(80.476.525.460)	(107.381.768.359)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(15.169.375.617)	(32.260.485.914)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.906.028.605)	(3.937.240.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		176.499.548.978	139.576.000.166
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(37.363.104.735)	(100.548.558.190)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		17.616.974.540	92.106.608.473
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(170.000.000.000)	(50.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		170.000.000.000	-
Tiền thu từ bán các công cụ vốn cho các đơn vị khác	24		30.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		7.309.047.585	1.505.245.907
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(12.407.082.610)	(56.936.703.810)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi để mua lại cổ phiếu	32	(88.088.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	2.365.177.980.310	2.688.111.683.039
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.405.208.060.522)	(2.636.408.081.501)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(58.253.136.565)	(65.633.220.899)
Tiền trả cổ tức	36	(27.676.500)	(26.198.764.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(186.398.893.277)	(40.128.383.861)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(22.306.426.909)	42.510.912.495
Tiền đầu năm	60	71.595.361.478	29.087.008.046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61	(9.653.688)	(2.559.063)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	49.279.280.881	71.595.361.478

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:


 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 La Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”). Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn. Chi tiết về các Công ty con của Công ty như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% sở hữu
Các công ty con			
Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế (trước đây là Công ty Cổ phần thực phẩm Đông Á)	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo, thực phẩm chế biến; sản xuất và chế biến sữa; sản xuất bia.	3900419455	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	3900785589	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	3400811368	98%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	4103009341	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	3901102796	99%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 1.282 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.421 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 489 tỷ VND (31/12/2013: 512 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 17 và thuyết minh 21). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Tập đoàn có thể tạo đủ dòng tiền từ các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày quyền kiểm soát kết thúc.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay qui đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty và các công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời gian hữu dụng xác định được phân bổ theo thời gian hữu dụng từ 43 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm phí cấp tín dụng trung dài hạn, phí phát hành trái phiếu và chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	Năm 2014		Năm 2013		Thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất							
	VND	VND	VND	VND	2014	2013	2014	2013	2014	2013						
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.600.382.522	226	1.541.701.806	721	311.613.942	708	236.648.450	280	-	-	1.911.996.464	934	1.778.350.257	001		
Doanh thu trong bộ phận	1.267.784.644	288	1.409.901.948	531	431.143.029		545.861.281		(1.268.215.787)	(317)	(1.410.447.809)	812)	-	-		
Doanh thu giữa các bộ phận	20.064.129	520	22.850.854	784	231.267.784		481.964.898		(20.295.397)	(304)	(23.332.819)	682)	-	-		
Doanh thu hoạt động tài chính	66.316.597	022	71.585.517	983	107.739.602		91.630.748		(57.382.954)	(610)	(67.424.273)	171)	9.041.382	014	4.252.875	560
Tổng doanh thu bộ phận	2.954.547.893	056	3.046.040.128	019	312.384.093	123	237.767.907	207	(1.345.894.139)	(231)	(1.501.204.902)	665)	1.921.037.846	948	1.782.603.132	561
Chi phí bộ phận	(2.742.287.812)	(888)	(2.766.068.793)	(289)	(484.481.059)	(375)	(405.871.508)	(926)	1.360.511.958	697	1.483.428.665	118	(1.866.256.913)	(566)	(1.688.511.637)	(097)
Kết quả kinh doanh bộ phận	212.260.080	168	279.971.334	730	(172.096.966)	(252)	(168.103.601)	(719)	14.617.819	466	(17.776.237)	(547)	54.780.933	382	94.091.495	464
Thu nhập khác													18.837.874	685	93.087.239	931
Chi phí khác													(21.033.201)	(358)	(95.308.557)	(029)
Thuế thu nhập													(28.612.003)	(196)	(29.176.486)	(668)
Lợi nhuận sau thuế													23.973.603	513	62.693.691	698



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Nhựa		Thực phẩm		Tổng	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	446.065.725.735	434.103.597.156	106.081.577.225	120.712.596.989	552.147.302.960	554.816.194.145
Tài sản dài hạn	1.003.026.829.608	1.055.212.484.886	268.586.588.633	293.917.836.766	1.271.613.418.241	1.349.130.321.652
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	50.386.907.061	50.723.648.295
	1.449.092.555.343	1.489.316.082.042	374.668.165.858	414.630.433.755	1.874.147.628.262	1.954.670.164.092
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	996.198.249.979	1.021.505.299.531	94.919.442.327	95.659.507.731	1.091.117.692.306	1.117.164.807.262
Nợ dài hạn	129.277.828.695	124.943.773.807	11.247.975.105	46.278.462.217	140.525.803.800	171.222.236.024
Nợ không phân bổ	-	-	-	-	33.787.664.209	19.927.347.822
	1.125.476.078.674	1.146.449.073.338	106.167.417.432	141.937.969.948	1.265.431.160.315	1.308.314.391.108
Khấu hao và phân bổ						
Các khoản dự phòng	103.989.137.497	97.172.696.671	27.727.841.254	27.769.897.041	131.716.978.751	124.942.593.712
Mua sắm tài sản	343.602.952	-	407.662.330	(28.677.500.799)	751.265.282	(28.677.500.799)
	34.572.745.094	92.947.715.827	2.790.359.641	7.600.842.363	37.363.104.735	100.548.558.190

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Hợp nhất	
	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.554.515.163.916	1.259.116.496.044	357.481.301.018	519.233.760.957	1.911.996.464.934	1.778.350.257.001
Tài sản bộ phận	1.874.147.628.262	1.954.670.164.092	-	-	1.874.147.628.262	1.954.670.164.092
Mua sắm tài sản	37.363.104.735	100.548.558.190	-	-	37.363.104.735	100.548.558.190

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	5.985.754.336	843.256.473
Tiền gửi ngân hàng	43.293.526.545	70.752.105.005
	<hr/>	<hr/>
	49.279.280.881	71.595.361.478
	<hr/>	<hr/>

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng và hưởng lãi suất năm 6,5% (2013: 7,5%).

7. Phải thu ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có khoản phải thu khách hàng nào được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 92.101 triệu VND) (thuyết minh 21).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	9.489.232.538	-
Nguyên vật liệu	125.111.576.480	106.502.703.809
Công cụ và dụng cụ	4.222.987.903	3.674.473.842
Sản phẩm dở dang	45.493.675.396	55.007.666.861
Thành phẩm	65.202.764.751	59.834.825.142
Hàng hóa	2.498.465.520	3.710.933.739
Hàng gửi đi bán	4.611.375.420	15.222.653.949
	<hr/>	<hr/>
	256.630.078.008	243.953.257.342
	<hr/>	<hr/>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trước	20.203.148.191	18.734.004.384
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	177.024.962.879	9.764.019.004	882.327.420.331	41.577.668.363	1.110.694.070.577
Tăng trong năm	-	181.111.150	13.233.638.520	3.136.763.724	16.551.513.394
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	80.613.506	-	72.875.238.909	-	72.955.852.415
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	72.623.461.713	-	72.623.461.713
Thanh lý	-	(88.973.068)	(32.077.782.934)	(1.577.189.453)	(33.743.945.455)
Xóa sổ	(87.771.308)	-	-	-	(87.771.308)
Số dư cuối năm	177.017.805.077	9.856.157.086	1.008.981.976.539	43.137.242.634	1.238.993.181.336
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.054.914.895	4.295.490.872	368.104.971.210	15.645.500.833	421.100.877.810
Khấu hao trong năm	9.458.705.141	1.355.871.381	78.149.869.667	4.735.943.029	93.700.389.218
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	20.725.424.846	-	20.725.424.846
Thanh lý	-	(88.973.068)	(14.819.614.586)	(806.662.830)	(15.715.250.484)
Xóa sổ	(40.206.389)	-	-	-	(40.206.389)
Số dư cuối năm	42.473.413.647	5.562.389.185	452.160.651.137	19.574.781.032	519.771.235.001
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	143.970.047.984	5.468.528.132	514.222.449.121	25.932.167.530	689.593.192.767
Số dư cuối năm	134.544.391.430	4.293.767.901	556.821.325.402	23.562.461.602	719.221.946.335

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 172.489 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 118.615 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 412.644 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 347.145 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 17 và thuyết minh 21).

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	262.823.412.458	31.069.086.061	293.892.498.519
Tăng trong năm	17.106.519.795	20.579.586.187	37.686.105.982
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.707.500.252	-	2.707.500.252
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(72.623.461.713)	-	(72.623.461.713)
Số dư cuối năm	210.013.970.792	51.648.672.248	261.662.643.040
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	46.721.062.224	2.225.440.520	48.946.502.744
Khấu hao trong năm	27.896.354.200	775.292.866	28.671.647.066
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.725.424.846)	-	(20.725.424.846)
Số dư cuối năm	53.891.991.578	3.000.733.386	56.892.724.964
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	216.102.350.234	28.843.645.541	244.945.995.775
Số dư cuối năm	156.121.979.214	48.647.938.862	204.769.918.076

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	297.398.974.953	1.963.931.174	299.362.906.127
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.923.065.028	1.515.039.951	13.438.104.979
Khấu hao trong năm	2.450.959.188	300.932.288	2.751.891.476
Số dư cuối năm	14.374.024.216	1.815.972.239	16.189.996.455
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	285.475.909.925	448.891.223	285.924.801.148
Số dư cuối năm	283.024.950.737	147.958.935	283.172.909.672

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 47.285 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 46.112 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 17 và Thuyết minh 21).

Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	63.407.746.632	27.862.677.010
Tăng trong năm	20.811.591.341	66.575.308.607
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	2.239.951.052
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(72.955.852.415)	(28.891.955.686)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(2.707.500.252)	(4.277.198.351)
Xóa sổ	(96.531.760)	(101.036.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.459.453.546	63.407.746.632

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phần mềm ERP	7.356.980.546	7.409.391.026
Máy móc	570.000.000	47.412.270.817
Khuôn nhựa	-	8.050.451.789
Khác	532.473.000	535.633.000
	<hr/>	<hr/>
	8.459.453.546	63.407.746.632

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có xây dựng cơ bản dở dang nào được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 44.705 triệu VND) (thuyết minh 21).

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.891.373.222	8.596.226.754	721.613.727	11.209.213.703
Tăng trong năm	-	4.146.262.693	-	4.146.262.693
Phân bổ trong năm	(1.206.661.032)	(3.917.631.899)	(721.613.727)	(5.845.906.658)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	684.712.190	8.824.857.548	-	9.509.569.738

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lợi nhuận chưa thực hiện	386.907.061	596.980.586
Chi phí phải trả	-	126.667.709
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	386.907.061	723.648.295
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	(33.787.664.209)	(19.927.347.822)
	<hr/>	<hr/>

16. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
	<hr/>
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	23.172.043.409
Phân bổ trong năm	6.593.050.991
	<hr/>
Số dư cuối năm	29.765.094.400
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	42.758.466.501
Số dư cuối năm	36.165.415.510
	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	800.048.255.808	834.745.260.762
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 21)	95.614.851.043	86.479.892.149
	<hr/>	<hr/>
	895.663.106.851	921.225.152.911
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8%	199.240.811.234	316.561.877.376
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	3,8%	199.256.237.315	81.632.929.291
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8%	32.895.204.268	52.500.033.112
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8%	198.332.495.649	185.272.247.744
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8%	147.064.810.342	140.965.941.239
Ngân hàng HSBC	VND	8,0%	-	57.812.232.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	7,0%	23.258.697.000	-
			<hr/>	<hr/>
			800.048.255.808	834.745.260.762
			<hr/>	<hr/>

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 115.449 triệu VND và 14.032 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: tài sản cố định hữu hình là 88.344 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 12.049 triệu VND) (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	938.610.651	4.734.335.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	899.225.279	184.511.514
Thuế thu nhập cá nhân	954.093.778	1.094.977.074
	2.791.929.708	6.013.824.300

19. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.082.225.464	1.463.667.005
Lương và thưởng	11.099.157.295	6.000.861.944
Chiết khấu bán hàng	5.240.920.458	6.296.462.771
Chi phí khác	5.560.860.709	4.724.835.018
	22.983.163.926	18.485.826.738

20. Các khoản phải trả khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ký quỹ của khách hàng	9.108.810.282	4.104.001.129
Cổ tức phải trả	-	26.152.715.500
Các khoản phải trả khác	2.250.361.495	3.713.880.030
	11.359.171.777	33.970.596.659

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Vay và nợ dài hạn

		31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	(a)	121.241.275.183	125.845.900.804
Nợ thuê tài chính	(b)	114.899.379.660	131.856.227.369
		<hr/> 236.140.654.843	<hr/> 257.702.128.173
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 17)		(95.614.851.043)	(86.479.892.149)
Hoàn trả sau 12 tháng		<hr/> 140.525.803.800	<hr/> 171.222.236.024

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính như sau:

(a) Vay dài hạn

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Bảo Việt	VND	12,0%	2016	41.241.275.183	71.622.051.183
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	11,1%	2018	80.000.000.000	44.478.849.621
Ngân hàng HSBC	VND	10,8%	2015	-	9.745.000.000
				<hr/> 121.241.275.183	<hr/> 125.845.900.804

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bởi các tài sản của Tập đoàn như sau:

		Giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng	(thuyết minh 7)	-	92.100.615.067
Tài sản cố định hữu hình	(thuyết minh 10)	297.194.580.605	258.801.473.197
Tài sản cố định vô hình	(thuyết minh 12)	33.252.529.904	34.063.063.308
Xây dựng cơ bản dở dang	(thuyết minh 13)	-	44.704.770.565
		<hr/> 330.447.110.509	<hr/> 429.669.922.137

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Bảo Việt phải trả 30 tỷ VND trong năm 2015 và phần còn lại trong năm 2016.

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phải trả trong 4 năm bằng nhau, mỗi năm trả 20 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào năm 2018.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính trong tương lai như sau:

	31/12/2014		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	54.818.167.184	9.584.092.141	45.234.075.043
Từ hai đến năm năm	77.855.776.730	8.190.472.113	69.665.304.617
	132.673.943.914	17.774.564.254	114.899.379.660
	31/12/2013		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	57.496.243.391	12.830.950.666	44.665.292.725
Từ hai đến năm năm	101.028.581.909	13.837.647.265	87.190.934.644
	158.524.825.300	26.668.597.931	131.856.227.369

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 1.461 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.823 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	49.734.669.482	636.013.561.286
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	60.182.433.420	60.182.433.420
Cổ tức (thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(52.250.000.000)	(52.250.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	57.667.102.902	643.945.994.706
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	21.422.258.693	21.422.258.693
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(88.088.000.000)	-	-	-	-	(88.088.000.000)
Phân loại lại từ quỹ dự khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	320.052.450	-	-	320.052.450
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(7.393.476.472)	(7.393.476.472)
Hoàn nhập cổ tức (thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	26.125.039.000	26.125.039.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	97.820.924.123	596.331.868.377

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.004.078)	(88.088.780.000)	(78)	(780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.245.922	434.411.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm, biến động vốn cổ phần như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	52.249.922	522.499.220.000	52.249.922	522.499.220.000
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	(4.004.000)	(88.088.000.000)	-	-
Số dư cuối năm	48.245.922	434.411.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2014, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã phán quyết việc Công ty mua lại 4.004.000 cổ phiếu quỹ từ Red River Holding với giá 22.000 VND một cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ này đã được mua lại vào tháng 12 năm 2014.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	32,80%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20,20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	19,87%
Red River Holding	1.633.874	3,39%
Cổ đông khác	11.455.766	23,74%
	48.245.922	100%

24. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.409.778.278	-
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu từ Tập đoàn	30.000.000	-
Lợi nhuận thuộc các cổ đông thiểu số	2.551.344.820	2.511.258.278
Điều chỉnh khác	7.393.476.472	-
Cổ tức nhận được	-	(101.480.000)
Số dư cuối năm	12.384.599.570	2.409.778.278

26. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 26 tháng 5 năm 2014 quyết định hoàn nhập cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông là 26.125 triệu VND (2013: cổ tức được công bố 52.250 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hàng hóa đã bán	1.918.651.349.327	1.782.426.102.513
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(126.280.425)	(88.801.139)
▪ Giảm giá hàng bán	(175.925.820)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(6.352.678.148)	(3.987.044.373)
	(6.654.884.393)	(4.075.845.512)
Doanh thu thuần	1.911.996.464.934	1.778.350.257.001

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	7.309.047.585	1.505.245.907
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.655.251.549	2.412.284.986
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	74.805.170	232.639.925
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.277.710	102.704.742
	9.041.382.014	4.252.875.560

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	80.095.083.919	98.699.165.983
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.630.763.070	5.358.100.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.136.215.269	84.860.712
Chi phí tài chính khác	45.000.000	63.154.214
	<hr/>	<hr/>
	84.907.062.258	104.205.280.985
	<hr/>	<hr/>

30. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	17.616.974.540	92.106.608.473
Thu nhập khác	1.220.900.145	980.631.458
	<hr/>	<hr/>
	18.837.874.685	93.087.239.931
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình xóa sổ và thanh lý	18.076.259.890	92.775.506.038
Chi phí khác	2.956.941.468	2.533.050.991
	<hr/>	<hr/>
	21.033.201.358	95.308.557.029
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	14.156.211.204	9.909.692.981
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	258.734.371	(129.329.417)
	<hr/> 14.414.945.575	<hr/> 9.780.363.564
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	14.197.057.621	19.396.123.104
	<hr/> 28.612.003.196	<hr/> 29.176.486.668

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	52.585.606.709	91.870.178.366
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất của Công ty	11.568.833.476	22.967.544.592
Ưu đãi thuế	(23.512.441.658)	(25.891.031.711)
Ảnh hưởng của thuế suất khác nhau	10.938.246.069	(1.668.749.190)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.375.305.483	2.306.982.266
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(1.651.451.435)	-
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	258.734.371	(129.329.417)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗi tính thuế của các công ty con	23.634.776.890	31.591.070.128
	<hr/> 28.612.003.196	<hr/> 29.176.486.668

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ hoạt động kinh doanh tại nhà máy ở Huyện Củ Chi của Công ty, chịu thuế suất 15%.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á) có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 22% cho các năm tiếp theo và được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 4 năm tiếp theo.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	21.422.258.693	60.182.433.420

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	52.249.922	52.249.922
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	(153.578)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	52.096.344	52.249.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Tập đoàn hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	43.293.526.545	70.752.105.005
Dầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn)	(ii)	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	158.991.988.435	153.077.614.534
		<hr/>	<hr/>
		252.285.514.980	273.829.719.539

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	20.228.226.821	15.393.917.931
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	5.367.120.243	15.077.131.749
Quá hạn trên 180 ngày	4.272.331.416	2.106.583.297
	29.867.678.480	32.577.632.977

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	462.581.709	837.618.006
Tăng dự phòng trong năm	751.265.282	17.210.361
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(392.246.658)
	1.213.846.991	462.581.709

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	170.728.096.568	170.728.096.568	170.728.096.568	-	-
Vay ngắn hạn	800.048.255.808	830.408.837.376	830.408.837.376	-	-
Vay dài hạn	121.241.275.183	154.176.731.860	76.550.730.059	33.706.001.801	43.920.000.000
Nợ thuê tài chính	114.899.379.660	132.673.943.914	54.818.167.184	42.877.634.969	34.978.141.761
	1.206.917.007.219	1.287.987.609.718	1.132.505.831.187	76.583.636.770	78.898.141.761

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	157.785.240.208	157.785.240.208	157.785.240.208	-	-
Vay ngắn hạn	834.745.260.762	856.836.441.648	856.836.441.648	-	-
Vay dài hạn	125.845.900.804	158.688.390.380	57.840.410.616	51.861.783.993	48.986.195.771
Nợ thuê tài chính	131.856.227.369	158.524.825.300	57.496.243.391	46.071.138.257	54.957.443.652
	1.250.232.629.143	1.331.834.897.536	1.129.958.335.863	97.932.922.250	103.943.639.423

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền	363.547	154.209
Phải thu khách hàng	537.095	1.145.174
Tài sản ngắn hạn khác	6.000	6.000
Phải trả người bán	(2.796.095)	(11.243)
Vay ngắn hạn	(9.322.802)	(3.873.081)
Nợ thuê tài chính	(68.345)	(133.937)
Phải trả khác	(377.827)	(183.950)
	(11.658.427)	(2.896.828)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.371	21.083

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo là không đáng kể. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
Nợ thuê tài chính	(114.899.379.660)	(131.856.227.369)
	<u>(64.899.379.660)</u>	<u>(81.856.227.369)</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền	43.293.526.545	70.752.105.005
Vay ngắn hạn	(800.048.255.808)	(834.745.260.762)
Vay dài hạn	(121.241.275.183)	(125.845.900.804)
	<u>(877.996.004.446)</u>	<u>(889.839.056.561)</u>

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm sẽ làm giảm 7.145 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (2013: 6.034 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền	49.279.280.881	71.595.361.478
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	158.991.988.435	153.077.614.534
- Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
	258.271.269.316	274.672.976.012
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	(170.728.096.568)	(157.785.240.208)
- Vay ngắn hạn	(800.048.255.808)	(834.745.260.762)
- Vay dài hạn	(121.241.275.183)	(125.845.900.804)
- Nợ thuê tài chính	(114.899.379.660)	(131.856.227.369)
	(1.206.917.007.219)	(1.250.232.629.143)

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

35. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2014 VND	2013 VND
Nguyên giá của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	37.686.105.982	77.061.669.159
Thuế giá trị gia tăng của tài sản cố định được Công ty thuê lại dưới dạng thuê tài chính	3.610.182.874	-
Hoàn nhập cổ tức	26.125.039.000	-

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan.

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

	2014 VND	2013 VND
Lương và trợ cấp kinh doanh	23.277.077.461	18.467.563.500
Hỗ trợ chi phí kinh doanh	12.710.000.000	-

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.393.645.175.311	1.648.239.386.208
Chi phí nhân công	296.878.107.531	174.222.290.479
Chi phí khấu hao và phân bổ	131.716.978.751	124.942.593.712
Chi phí khác	379.914.596.427	321.703.644.391

38. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2013 VND (phân loại lại)	31/12/2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18.734.004.384	726.924.530
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	6.013.824.300	7.934.092.268
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19.927.347.822	-

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

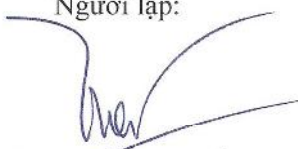
Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VND (phân loại lại)	2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	9.780.363.564	29.707.711.386
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	19.396.123.104	(531.224.718)

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc